

Số: 1288/QĐ-UBND

Cát Tiên, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng
xã Gia Viễn đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT TIỀN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/03/2017 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND huyện về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Gia Viễn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035; Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 của UBND huyện phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Gia Viễn đến năm 2030;

Căn cứ Văn bản số 2876/SXD-QHKT ngày 29/12/2022 của Sở Xây dựng về việc góp ý đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Gia Viễn, huyện Cát Tiên.

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 97/TTr-KTHT ngày 30/12/2022 về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xã Gia Viễn đến năm 2030.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Gia Viễn đến năm 2030 với các nội dung sau:

I. Tên đồ án: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Gia Viễn đến năm 2030.

II. Nội dung điều chỉnh đồ án quy hoạch chung xây dựng xã

1. Vị trí và mối liên hệ vùng, phạm vi lập quy hoạch

1.1. Vị trí địa lý và mối liên hệ vùng:

- Xã Gia Viễn nằm ở phía Bắc huyện Cát Tiên. Ranh giới hành chính được xác định như sau:

- + Phía Đông giáp xã Nam Ninh;
- + Phía Tây giáp xã Phước Cát 2;
- + Phía Nam giáp thị trấn Cát Tiên, xã Đức Phổ và thị trấn Phước Cát;
- + Phía Bắc giáp xã Phước Cát 2.

- Xã Gia Viễn có đường giao thông ĐH.91 kết nối xã Gia Viễn với thị trấn Cát Tiên, xã Tiên Hoàng và đường ĐH.95 kết nối với xã Nam Ninh, tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế xã hội của xã.

1.2. Phạm vi lập điều chỉnh quy hoạch:

Quy mô lập quy hoạch toàn xã với tổng diện tích tự nhiên 2.887,71 ha.

2. Mục tiêu, tính chất

2.1. Mục tiêu

- Cụ thể hóa quy hoạch vùng tỉnh, quy hoạch vùng huyện, làm cơ sở lập các quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn và lập các dự án đầu tư xây dựng;

- Phục vụ đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân, hoàn thành mục tiêu xây dựng xã nông thôn mới theo tiêu chí nâng cao;

- Phát triển kinh tế xã hội gắn với quá trình hiện đại hoá nông thôn về sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ... nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, thu hẹp khoảng cách với cuộc sống đô thị;

- Cập nhật, bổ sung và điều chỉnh những nội dung còn thiếu hoặc vướng mắc trong đồ án đã được phê duyệt;

- Tạo cơ sở pháp lý để quản lý sử dụng đất và quản lý xây dựng, lập kế hoạch đầu tư xây dựng, lập dự án xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn và quản lý xây dựng các công trình trên địa bàn xã giai đoạn từ năm 2020-2030;

- Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá, tập quán của địa phương, bảo vệ môi trường sinh thái.

2.2. Tính chất

- Xã Gia Viễn thuộc tiểu vùng sản xuất nông nghiệp chất lượng cao; phát triển lâm nghiệp gắn với bảo tồn, phát triển rừng; du lịch sinh thái.

- Gia Viễn thực trạng là xã thuần nông, định hướng quy hoạch là trung tâm cụm xã, nửa tiệm cận đến đô thị loại V, trung tâm giao lưu kinh tế, dịch vụ văn hoá phục vụ chung cho cụm từ 3-4 xã phía Bắc, Đông Bắc huyện Cát Tiên.

3. Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu của đồ án

3.1. Dự báo dân số, lao động

- Dân số hiện trạng: 3.970 người (*Theo Niên giám thống kê năm 2020 của tỉnh*), trong đó dân số lao động 2.688 người;

- Dự báo dân số xã đến năm 2025 khoảng: 4.800 người, lao động 3.264 người;

- Dự báo dân số xã đến năm 2030 khoảng: 5.138 người, lao động 3.494 người;

3.2. Dự báo nhu cầu đất đai tối thiểu

- Dự báo đất xây dựng tối thiểu đến năm 2025 khoảng 60,48ha;

- Dự báo đất xây dựng tối thiểu đến năm 2030 khoảng 64,74 ha.

4. Quy mô đất đai toàn xã

- Tổng diện tích tự nhiên toàn xã: 2.887,71 ha.

+ Đất nông nghiệp: 2.413,47 ha chiếm 83,58% tổng diện tích tự nhiên;

+ Đất xây dựng: 268,67 ha chiếm 9,30% tổng diện tích tự nhiên;

+ Đất khác: 205,57 ha chiếm 7,12% tổng diện tích tự nhiên.

- Dự báo quy mô đất đai xây dựng toàn xã:

TT	Chỉ tiêu	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2025		Quy hoạch đến năm 2030	
		Diện tích	Cơ cấu	Diện tích	Cơ cấu	Diện tích	Cơ cấu
		(ha)	(%)	(ha)	(%)	(ha)	(%)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN (1+2+3)	2.887,71	100	2.887,71	100	2.887,71	100
1	Đất nông nghiệp	2.510,68	86,94	2.450,31	84,85	2.413,47	83,58
1.1	Đất trồng lúa	845,32	29,27	824,85	28,56	811,01	28,08
1.2	Đất trồng trồng trọt khác	766,25	26,53	733,23	25,39	710,23	24,59
1.3	Đất trồng rừng sản xuất	291,20	10,08	281,98	9,76	281,98	9,76
1.4	Đất trồng rừng đặc dụng	590,20	20,44	589,96	20,43	589,96	20,43
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	17,71	0,61	13,29	0,46	13,29	0,46
1.6	Đất nông nghiệp khác			7,00	0,24	7,00	0,24
2	Đất xây dựng	165,92	5,75	231,82	8,03	268,67	9,30

2.1	Đất ở nông thôn	100,43	3,48	104,69	3,63	110,86	3,84
2.2	Đất công cộng	5,91	0,20	7,79	0,27	7,79	0,27
2.3	Đất cây xanh thể dục thể thao	0,31	0,01	3,48	0,12	3,92	0,14
2.4	Đất tôn giáo (chùa, tin lành)	1,13	0,039	1,18	0,04	2,18	0,08
2.5	Đất làng nghề			1,22	0,04	1,22	0,04
2.6	Đất xây dựng các chức năng khác (cây xăng, thương mại dịch vụ)	0,17	0,01	6,30	0,22	6,85	0,24
2.7	Đất hạ tầng kỹ thuật	39,88	1,38	78,95	2,73	100,32	3,47
2.7.1	Đất giao thông	34,81	1,21	65,81	2,28	87,18	3,02
2.7.1.1	Đất giao thông tĩnh			0,67	0,02	0,67	0,02
2.7.1.2	Đất giao thông động	34,81	1,21	65,14	2,26	86,51	3,00
2.7.2	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	5,07	0,18	4,40	0,15	4,40	0,15
2.7.3	Đất hành lang bảo vệ suối			8,74	0,30	8,74	0,30
2.8	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất (Thủy lợi)	3,66	0,13	3,40	0,12	3,40	0,12
2.9	Đất an ninh quốc phòng	14,42	0,500	14,82	0,51	14,82	0,51
2.9.1	Đất quốc phòng	14,33	0,50	14,68	0,51	14,68	0,51
2.9.2	Đất an ninh	0,09	0,003	0,14	0,005	0,14	0,005
2.10	Đất du lịch			10,00	0,35	17,32	0,60
3	Đất khác	211,11	7,31	205,57	7,12	205,57	7,12
3.1	Đất sông, suối và mặt nước	204,17	7,07	198,63	6,88	198,63	6,88
3.2	Đất chưa sử dụng	6,94	0,24	6,94	0,24	6,94	0,24

5. Định hướng phát triển không gian toàn xã

5.1. Cơ cấu tổ chức không gian toàn xã

- Tổ chức không gian tổng thể có hệ thống, giúp đáp ứng được nhu cầu tối ưu hóa các diện tích sử dụng thông qua việc bố trí hợp lý không gian trung tâm, không gian các khu dân cư và không gian sản xuất;

- Xã Gia Viễn có đường liên xã ĐH.91 và ĐH.95 chạy qua để thúc đẩy kinh tế - xã hội chung của toàn xã; do đó, cần mở rộng giao lưu với các vùng phụ cận, các vùng kinh tế trọng điểm khác, tăng cường thu hút đầu tư đối với các ngành làng nghề truyền thống, chế biến các mặt hàng nông sản có sức cạnh tranh với các địa phương khác mang tính chất thương hiệu hoá cho sản phẩm;

- Không gian phát triển làng nghề truyền thống:

+ Không gian phát triển làng nghề truyền thống phải đảm bảo khoảng cách ly an toàn tới các khu dân cư, thuận tiện trong quá trình lưu thông vận chuyển sản phẩm;

+ Không gian phát triển thương mại dịch vụ phát chủ yếu phát triển khu

vực trung tâm xã, đường liên xã ĐH.91 và ĐH.95.

- Đối với không gian sản xuất, định hướng phân chia các chức năng của loại đất để có kế hoạch canh tác, sử dụng đất hợp lý. Không gian phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp: Trên cơ sở các vùng sản xuất nông - lâm nghiệp sẵn có của địa phương;

- Phát huy các tiềm năng du lịch ở địa phương khu vực hồ Đăk Lô nhằm thu hút khách du lịch đến tham quan đồng thời tiếp tục kêu gọi, thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển du lịch tại địa phương. Phát triển Khu du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng hồ Đăk Lô quy mô 17,33 ha kết hợp với quy mô diện tích mặt nước khoảng 170 ha, bao quanh là rừng sinh thái;

- Đối với không gian trung tâm, vị trí các công trình công cộng như trung tâm hành chính xã, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường mầm non, trạm y tế, nhà văn hóa, thư viện, khu thương mại dịch vụ... được lựa chọn đáp ứng tốt nhất nhu cầu quản lý và ổn định khu vực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội cho địa phương.

5.2. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã, khu dân cư mới, cải tạo

a) Khu trung tâm xã

- Trung tâm xã quy mô 20ha với tính chất là khu trung tâm hành chính - chính trị - kinh tế - văn hoá - xã hội, dân cư theo định hướng nông thôn mới văn minh, hiện đại, làm động lực thúc đẩy sự phát triển chung cho toàn xã;

- Khu dân cư Trung tâm xã: Phân bố tập trung dọc đường liên xã ĐH.91, ĐH. 95, với quy mô 20 ha đáp ứng nhu cầu từ 800-1.000 người đến năm 2030;

- Định hướng không gian:

- + Phát triển khu trung tâm xã theo dạng tuyến dọc theo trục không gian chủ đạo là trục đường ĐH.91, ĐH.95;

- + Bố trí, hoàn thiện hệ thống công trình công cộng, hành chính thiết yếu;

- + Phát triển dịch vụ thương mại là chủ yếu;

- + Phát triển không gian tập trung;

- + Quản lý xây dựng theo khung quy định, xây dựng hình ảnh khu trung tâm tiếp cận với không gian đô thị;

- + Không chăn nuôi tại hộ gia đình.

b) Hệ thống các khu dân cư cải tạo thôn

- Trên địa bàn xã hiện nay gồm có 8 thôn, bản phân bố theo dạng tuyến bám dọc theo trục đường ĐH.91, ĐH.95 và các trục giao thông thôn, bản. Cải tạo, chỉnh trang 5 khu dân cư hiện hữu, bố trí xen ghép, khép kín đất ở trong khu dân cư;

- Tính chất: Là các khu dân cư nông thôn ở kết hợp với sản xuất nông nghiệp;

- Hướng phát triển: Đầu tư xây dựng nâng cấp cơ sở hạ tầng (*nâng cấp nhà văn hóa cộng đồng buôn, quy hoạch khuôn viên công viên cây xanh thể dục thể thao, đường giao thông, đường cấp nước, điện chiếu sáng...*).

c) Định hướng tổ chức hệ thống khu dân cư cải tạo thôn, xóm cũ

- Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan hài hòa giữa khu vực ở mới, cải tạo và khu dân cư hiện có, cải tạo được các điểm nhấn kiến trúc ở các vị trí có tầm nhìn và không gian lớn tại tuyến trục chính đối ngoại tạo không gian kiến trúc hiện đại, môi trường sống tiện nghi, gần gũi thiên nhiên trong khu nhà ở;

- Đối với khu vực xây dựng nhà ở được quy hoạch trên cơ sở các lô đất ở gia đình, diện tích đất ở bình quân là $400-500m^2$ đối với hộ gia đình nông nghiệp và lớn hơn $120m^2$ đối với hộ phi nông nghiệp; nhà ở hiện trạng kết hợp khu vực sản xuất có quy mô $500-1.000m^2$, khu vực xây dựng nhà ở được quy hoạch trên cơ sở các lô đất ở gia đình, diện tích đất ở bình quân là $>25m^2$ /người;

- Chỉ tiêu quy hoạch, định hướng kiến trúc cho từng loại hình nhà ở:

Diện tích các lô đất ở từ $120-250m^2$:

+ Tầng cao xây dựng: 1-3 tầng;

+ Mật độ xây dựng: $\leq 70\%$.

Diện tích các lô đất từ $500-1.000m^2$:

+ Tầng cao xây dựng: 1- 2 tầng;

+ Mật độ xây dựng : $\leq 40\%$.

Diện tích các lô đất từ $400-500m^2$:

+ Tầng cao xây dựng: 1-2 tầng;

+ Mật độ xây dựng: $\leq 60\%$.

- Cao độ vỉa hè được quy định là cao độ ± 0.000 tại vị trí có công trình để tính toán các cao độ chuẩn. Cao độ chuẩn ở vị trí chỉ giới xây dựng là tổng chiều cao các tầng ở vị trí lộ giới hoặc vị trí có yêu cầu khoảng lùi so với lộ giới (đã tính cả chiều cao lan can hoặc sê-nô trên sàn mái). Cốt tầng trệt tối thiểu $+0,3m$ so với vỉa hè'

- Chiều cao tầng 1 (trệt) tối thiểu là $+4,2m$. Chiều cao các tầng còn lại $+3,6m$;

- Hình thức về kiến trúc:

+ Đường nét hình khối công trình kiến trúc theo khuynh hướng hiện đại, đơn giản, tránh sử dụng các chi tiết cầu kỳ, phức tạp; đảm bảo các tiêu chí công năng - thích dụng - kinh tế - đẹp;

+ Sử dụng hệ thống mái dốc cho toàn bộ loại hình nhà ở. Các công trình công cộng có thể sử dụng hệ thống mái dốc hoặc mái bằng tùy theo hình thức thiết kế của từng công trình.

5.3. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, thương mại dịch vụ, thể dục thể thao

a) Các công trình công cộng xã

- Công trình trụ sở: Trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã và các đoàn thể đã xây dựng hoàn thiện, diện tích 0,22ha đến năm 2030 mở rộng lên 0,63ha. Hình thành trung tâm hành chính thiết chế trung tâm xã với đầy đủ các cơ quan hành chính theo tiêu chuẩn hiện hành;

- Công trình y tế: Trung tâm y tế xã hiện hữu quy mô 0,15ha, cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế đảm bảo nhu cầu khám và chữa bệnh cho nhân dân tại địa phương;

- Công trình văn hóa: Khu trung tâm xã đã có nhà văn hóa đạt chuẩn. Toàn xã hiện nay có 8/8 thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng định hướng đến năm 2030 sau khi hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật mở rộng các nhà sinh hoạt cộng đồng với quy mô $\geq 1.500m^2$ tại các thôn với quy mô 2,14ha để đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của người dân tại các thôn;

- Công trình giáo dục: Định hướng đến năm 2030 cải tạo chỉnh trang các điểm trường mầm non tại các điểm dân cư nông thôn tập trung, quy hoạch mới 01 điểm trường mầm non tại bản Brun để đảm bảo nhu cầu sử dụng và bán kính phục vụ cho các con em trên địa bàn xã;

- Công trình bưu điện: Bưu điện xã hiện trạng quy mô 0,08ha đảm bảo nhu cầu sử dụng. Đến năm 2030 cải tạo nâng cấp đường dây, nâng cao công suất đường truyền đảm bảo nhu cầu phát triển và sử dụng tại địa phương. Đầu tư xây dựng mới một hệ thống viễn thông hoàn chỉnh, có khả năng kết nối đồng bộ với mạng viễn thông quốc gia và quốc tế;

b) Các công trình thương mại

- Công trình chợ: Chợ trung tâm xã bố trí ở vị trí thuận lợi dọc tuyến đường DH.95 thuận lợi cho việc giao thương mua bán, quy mô 0,53 ha. Đảm bảo quy mô chợ xã;

- Khu trung tâm xã quy hoạch 2 điểm thương mại dịch vụ với quy mô 1,12ha.

- Tại các điểm dân cư trung tâm thôn bố trí quỹ đất thương mại nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế tại các thôn quy mô 0,55 ha. Kêu gọi các doanh nghiệp, các nhà đầu tư thực hiện các dự án đầu tư phát triển dịch vụ thương mại trên địa bàn xã đến từng thôn buôn;

+ Tại phía Nam của xã quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp với quy mô 5ha sây hàng nông sản và thu mua chế biến và tiêu thụ hàng nông sản...(theo Văn bản số 2307/BXD-QHKT ngày 27/6/2022 của Bộ Xây dựng hướng dẫn việc quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp).

c) Các công trình cây xanh thể dục thể thao

Định hướng đến năm 2030 các thôn buôn trên địa bàn xã đều bố trí quỹ đất cây xanh thể dục thể thao riêng nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân và đảm bảo theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành. Quy hoạch mới khu công viên cây xanh trung tâm xã với quy mô 1,48ha, quy hoạch mới khu trung tâm thể dục thể thao xã tại thôn Trần Phú và các trung tâm thôn quy mô 2,44ha. Đến năm 2030 quỹ đất cây xanh thể dục thể thao trên địa bàn toàn xã là với quy mô 3,92ha (7,14m²/người).

d) Chỉ tiêu quy hoạch, định hướng kiến trúc

- Tầng cao xây dựng: 1-3 tầng;

- Mật độ xây dựng : $\leq 40\%$;

- Cao độ vỉa hè được quy định là cao độ ± 0.000 tại vị trí có công trình để tính toán các cao độ chuẩn. Cao độ chuẩn ở vị trí chỉ giới xây dựng là tổng chiều cao các tầng ở vị trí lộ giới hoặc vị trí có yêu cầu khoảng lùi so với lộ giới (đã tính cả chiều cao lan can hoặc sê-nô trên sàn mái). Cốt tầng trệt tối thiểu +0,75m so với vỉa hè;

- Chiều cao công trình: chiều cao tầng 1 (trệt) tối thiểu là +4,2m; chiều cao thông thủy các tầng còn lại +3,6m;

- Hình khối kiến trúc: Đối với các công trình hành chính, thể hiện được sự trang nghiêm. Đối với công trình thương mại-dịch vụ: hình khối mạnh mẽ, độc đáo;

- Hình thức kiến trúc: Công trình hành chính nên sử dụng mái ngói, kiến trúc trang nghiêm, vừa mang tính hiện đại vừa đậm đà bản sắc dân tộc; các công trình thương mại dịch vụ công cộng: mái ngói với độ dốc phù hợp, hình thức kiến trúc đa dạng, phù hợp với tính chất công trình.

5.4. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp; khai thác vật liệu xây dựng

a) Định hướng sản xuất công nghiệp, làng nghề

- Công nghiệp: Sản xuất công nghiệp chủ yếu phát triển chủ yếu phát triển ở các hộ gia đình, sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ; ngành nghề chủ yếu như: chế biến nông lâm sản, chạm khắc, mộc dân dụng, may mặc, khung nhôm cửa kính..., sản xuất cơ khí, rèn phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, sửa chữa các loại máy nông nghiệp. Xã Gia Viễn không quy hoạch khu công nghiệp, điểm công nghiệp;

- Phát triển làng nghề truyền thống để tạo giá trị sản phẩm, khuyến khích phát triển các ngành nghề, tiểu thủ công nghiệp như đan lát, mây tre, dệt thổ cẩm... để phục vụ cho quá trình phát triển du lịch và dịch vụ; đồng thời, giải quyết việc làm và tăng thu nhập của hộ gia đình với quy mô 1,22ha tại bản Brun;

- Mật độ xây dựng tối đa: 60%;

- Tầng cao tối đa: 2 tầng;

- Chiều cao tầng 1 (trệt) tối thiểu là +4,2m; tầng còn lại từ $\geq 3,6$;
- Hình thức kiến trúc: Hình thức kiến trúc tùy thuộc công năng từng ngành nghề nhưng cần kết hợp cây xanh sân vườn nội bộ để tạo cảnh quan và cải thiện vi khí hậu. Mang đậm tính chất đặc trưng của địa phương.

b) Khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp: Hình thành trên cơ sở các vùng sản xuất nông nghiệp sẵn có của địa phương. Duy trì các vùng sản xuất nông nghiệp truyền thống, hạn chế việc chuyển đổi mục đích đất sản xuất nông nghiệp, nhất là đất trồng cây lâu năm; khu vực sản xuất được bố trí tập trung xung quanh khu dân cư, và được liên kết đến nơi ở bằng các tuyến giao thông nội đồng chính nối với các tuyến giao thông khu vực, trong đó có hình thành những vùng trọng điểm như sau:

- Vùng trồng lúa: diện tích đất lúa đến năm 2030 là 811,01ha. Khu vực cuối Tân Xuân giáp Trung Hưng từ đường ĐH.95 trở vào hồ Đăk Lô và khu vực thôn Tiến Thắng đều làm được lúa 03 vụ, 02 khu vực này quy hoạch vùng lúa chất lượng cao, lúa giống với tổng quy mô 68,78ha. Các khu vực bầu trũng của các thôn Trung Hưng, Hòa Thịnh, Liên Phương là sản xuất lúa một vụ;
- Vùng trồng trọt khác: gồm cây hàng năm (chủ yếu là cây ngô, cây sắn, đậu đỗ, rau màu các loại...) và cây lâu năm (*cao su, điều, cây ăn quả...*). Diện tích đất trồng trọt khác đến năm 2030 là 710,23ha. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ cây điều già cỗi của địa phương sang trồng cây điều lai, cây ăn quả gắn sản xuất với chế biến tiêu thụ sản phẩm;
- Vùng nuôi trồng thủy hải sản: Cải tạo trồng thủy sản trên 13,29 ha mặt nước hiện hữu. Tạo điều kiện thuận lợi để các hộ gia đình, các tổ chức tiếp cận được nguồn vốn ưu đãi cho phát triển nuôi trồng thủy sản;
- Vùng đất lâm nghiệp: Gồm đất rừng đặc dụng và rừng sản xuất. Trong đó: Rừng sản xuất 281,98ha, rừng đặc dụng 589,96ha. Tập trung phát triển kinh tế đồi rừng, làm tốt công tác quản lý bảo vệ rừng, phát triển và nhân rộng mô hình sản xuất nông - lâm kết hợp với chăn nuôi bò theo hướng trang trại, vườn đồi;
- Vùng nông nghiệp khác: Chuyển dần chăn nuôi tận dụng, gia đình sang chăn nuôi bán công nghiệp và hình thành trang trại chăn nuôi có quy mô vừa;
- Quy hoạch khu chăn nuôi tập trung tại thôn Trung Hưng với quy mô 05ha khoảng 2.500 con vị trí cách xa khu dân cư;
- Quy hoạch khu vực nuôi chim yến tập thôn Liên Phương với quy mô 2ha;
- Hình thức chăn nuôi hộ gia đình: hình thức chăn nuôi nhỏ lẻ tại các hộ gia đình dù không khuyến khích, nhưng do các yếu tố về nguồn vốn, lao động, nhu cầu phân bón hữu cơ, cũng sẽ tồn tại. Trước mắt đối với hình thức chăn nuôi này cần chú ý đến xử lý chất thải để giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường trong khu dân cư như: xây dựng bể Biogas.... các trang trại chăn nuôi cần đảm bảo theo yêu cầu về chăn nuôi và môi trường theo quy định hiện hành của nhà nước;
- Hạn chế và định hướng không phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm ở trong khu vực khu dân cư tập trung ... giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tác nhân

gây lây lan dịch bệnh. Xây dựng trang trại chăn nuôi phải có biện pháp xử lý môi trường, mỗi cơ sở chăn nuôi cần xây dựng hệ thống bể Biogas để xử lý chất thải; dùng các tấm đệm sinh học...; đưa các trang trại chăn nuôi sản xuất theo hướng an toàn sinh học. Tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, đặc biệt chú ý đến bệnh lở mồm long móng, bệnh tụ huyết cầu, dịch tai xanh, dịch cúm... là những loại dịch bệnh gây tác hại rất lớn đến các đàn gia súc, gia cầm sớm được thanh toán. Phần đầu hàng năm 100% đàn gia súc gia cầm được tiêm phòng theo quy định.

5.5. Định hướng tổ chức các khu vực chức năng đặc thù khác trên địa bàn xã

- Công nghiệp: Sản xuất công nghiệp chủ yếu phát triển chủ yếu phát triển ở các hộ gia đình, sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ; ngành nghề chủ yếu như: chế biến nông lâm sản, chạm khắc, mộc dân dụng, may mặc, khung nhôm cửa kính..., sản xuất cơ khí, rèn phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, sửa chữa các loại máy nông nghiệp. Xã Gia Viễn không quy hoạch khu công nghiệp, điểm công nghiệp

- Phát triển làng nghề truyền thống để tạo giá trị sản phẩm, khuyến khích phát triển các ngành nghề, tiểu thủ công nghiệp như đan lát, mây tre, dệt thổ cẩm... để phục vụ cho quá trình phát triển du lịch và dịch vụ; đồng thời, giải quyết việc làm và tăng thu nhập của hộ gia đình với quy mô 1,22ha tại bản Brun;

- Phát triển Khu du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng hồ Đắc Lô quy mô 17,33ha kết hợp với quy mô diện tích mặt nước khoảng 170 ha, khai thác cảnh quan thiên nhiên;

- Mật độ xây dựng tối đa: 25%.

- Tầng cao tối đa: 2 tầng.

- Chiều cao tầng 1 (trệt) tối thiểu là +4,2m; tầng còn lại từ $\geq 3,6$ m.

- Hình thức kiến trúc: Các công trình được xây dựng theo phong cách hiện đại, kế thừa kiến trúc truyền thống, mang lại sự gần gũi, hòa hợp với cảnh quan thiên nhiên.

6. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối trong phạm vi xã

6.1. Quy hoạch hệ thống giao thông

- Giao thông đối ngoại: Tuyến đường liên xã ĐH.91, ĐH.95; mặt cắt 1-1, lộ giới 24m, nền đường 7,5m (lòng đường 5,5m, gia cố lề mỗi bên 1,0m), vỉa hè 2 bên mỗi bên rộng 8,25m. Tổng chiều dài 8,24km.

- Giao thông nội bộ:

- + Mặt cắt 2 - 2 lộ giới 16m, nền đường 8,0m (lòng đường 5,5m, gia cố lề mỗi bên 1,25m), vỉa hè 2 bên mỗi bên rộng 4,0m. Tổng chiều dài 21,92km;

- + Mặt cắt 3 - 3 lộ giới 8,0m, nền đường 5,0m (lòng đường 3,5m, gia cố lề mỗi bên 0,75m), vỉa hè 2 bên mỗi bên rộng 2,25m. Tổng chiều dài 35,39km;

+ Mặt cắt 4 - 4 lộ giới 4,0m, nền đường 4,0m (lòng đường 3,0m, gia cố lề mỗi bên 0,5m). Tổng chiều dài 4,85km;

- Đối với khu vực có lòng suối phải đảm bảo khoảng cách ly an toàn sông suối.

Bảng thống kê hệ thống giao thông toàn xã

TT	HẠNG MỤC	MẶT CẮT	VỈA HÈ (M)	NỀN ĐƯỜNG (M)	TỔNG MẶT CẮT (M)
1	I. ĐƯỜNG GIAO THÔNG ĐỐI NGOẠI	1-1	2x8,25	7,50	24,00
2	II. ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ	2-2	2x4,00	8,00	16,00
3		3-3	2x1,5	5,00	8,00
4		4-4		4,00	4,00

6.2. Quy hoạch chiều cao

a) Đối với các thôn buôn hiện có

- San nền: Cải tạo kết hợp với san gạt khu vực xây dựng công trình cho phù hợp với địa hình hiện trạng;

- Thoát nước mưa: Thoát nước mưa theo chế độ tự chảy, chủng loại nên dùng cống, mương, có nắp đan kết hợp với thoát nước giao thông.

b) Đối với các khu vực phát triển mới

- Đặc điểm hiện trạng: Đều thuộc khu vực địa hình có độ dốc phổ biến $i = 3\%-15\%$;

- San nền: San lấp cục bộ phù hợp với địa hình hiện trạng;

- Thoát nước mưa: Thoát nước mưa riêng theo chế độ tự chảy, kết cấu nên dùng cống, mương, rãnh xây kết hợp với thoát nước giao thông.

c) Đối với các khu vực phát triển ven sông, suối

Khu vực đất thấp trũng ở ven sông, các suối hay bị ngập lụt do mưa lũ, giải pháp san nền đối với khu vực này là san nền cục bộ đối với các khu xây dựng hiện hữu, san lấp tập trung tại khu vực xây dựng mới đảm bảo cốt xây dựng lớn hơn cốt khống chế để chống ngập.

6.3. Hệ thống thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mặt được xây dựng hoàn chỉnh đảm bảo thoát nước mặt trên toàn xã, được thiết kế bám theo các trục đường giao thông và hoạt động theo chế độ tựchảy dựa vào độ dốc địa hình;

- Hệ thống thoát nước được xây dựng đồng bộ bao gồm: Tuyến cống (mương), giếng thu nước mưa, giếng kiểm tra, hố ga và cửa xả.Đối với đường

đường ĐH.91, ĐH.95 dùng mương thoát nước hình thang 800x1.250mm, đường liên thôn (16m) dùng mương thoát nước hình thang 800x1.200mm, đường nội bộ (8m) dùng mương thoát nước hình thang 400x600mm, đường 4m thoát theo địa hình tự nhiên.

6.4. Hệ thống thoát nước thải

- Tỷ lệ thu gom nước thải đến năm 2030 là 385m³, đạt 80%;
- Trước mắt sử dụng hệ thống thoát nước chung, nước thải xử lý sơ bộ qua bể tự hoại cục bộ và tận dụng khả năng tự làm sạch của hệ thống ao hồ tự nhiên. Sau này từng bước cải tạo, xây dựng hệ thống thoát nước riêng;
- Trung tâm xã, cụm dân cư tập trung và khu vực nông thôn dùng hệ thống thoát nước chung (nước mưa và nước thải). Các hộ gia đình xây nhà vệ sinh hợp quy cách có đường cống thoát nước ra ngoài, tận dụng các kênh mương nội đồng, ao hồ có sẵn trong khu vực làng xã, ngoài đồng ruộng để xử lý sinh học trong điều kiện tự nhiên, tái sử dụng nước thải sau xử lý để phục vụ nông nghiệp;
- Các bể tự hoại tại từng gia đình, công trình công cộng...là hạng mục xử lý nước thải tại chỗ rất quan trọng, phải được cơ quan chuyên môn hướng dẫn xây dựng đúng yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo chức năng xử lý nước sinh hoạt theo qui định trước khi thải ra bên ngoài;
- Khu vực du lịch, làng nghề: Thu gom và xử lý nước thải phân tán xử lý đảm bảo tiêu chuẩn cho phép trước khi xả ra môi trường.

6.5. Định hướng phát triển hệ thống cấp điện, chiếu sáng

a) Nguồn điện

- Xã Gia Viễn hiện đang được cấp điện từ hệ thống điện được lấy từ đường dây trung thế từ Đạ Tẻh (nguồn địa lưới Quốc Gia), đường dây trung thế 22 kv trên địa bàn xã bám theo ĐH91 và ĐH95;

- Đối với khu vực ổn định thì vẫn sử dụng các trạm biến áp hiện có, trường hợp các trạm biến áp này quá tải thì có thể thay máy biến áp công suất lớn hơn hoặc đặt thêm các trạm biến áp mới để sang tải;

- Đối với các khu vực mở rộng nâng cấp: Nâng công suất các trạm biến áp phù hợp với nhu cầu phát triển phụ tải, một số trạm có vị trí không phù hợp sẽ được điều Lưới điện;

b) Lưới điện: Cấp điện áp chuẩn: 380/220V, 3 pha 4 dây, trung tính nối đất:

+ Đường 22kV dùng cáp vện xoắn ABC tiết diện $\geq 95\text{mm}^2$, đường nhánh dùng cáp vện xoắn ABC hoặc dây AV tiết diện $\geq 50\text{mm}^2$. Cột bê tông ly tâm cao 14m;

+ Lưới điện chiếu sáng: Chỉ tiêu chiếu sáng đường đảm bảo độ chói của mỗi loại đường. Sử dụng các loại đèn led tiết kiệm năng lượng, phù hợp với kiến trúc không gian của xã, đảm bảo độ sáng theo tiêu chuẩn. Dây dẫn là loại cáp vện xoắn ABC cho đường dây trên không và cáp XLPE 1KV ruột đồng hoặc cáp Cu/PCV luồn trong ống PVC chôn trong đất cho các tuyến điện ngầm;

+ Lưới điện 0,4kV: Đối với các tuyến 0,4 kV hiện có cần cải tạo lại để đảm bảo chất lượng điện năng. Mạng lưới 0,4 kV xây dựng mới, giai đoạn đầu có thể bố trí đi nổi trên trụ bê tông ly tâm cao 14m dùng cáp vặn xoắn hoặc cáp bọc nhựa, trong tương lai chuyển thành cáp ngầm;

+ Đèn chiếu sáng là loại đèn LED, công suất từ 80W đến 250W, mức độ chiếu sáng phải đạt tiêu chuẩn theo tiêu chuẩn TCXDVN 259:2001 và TCXDVN 333:2005.

6.6. Định hướng phát triển hệ thống cấp nước

- Dự báo công suất nguồn: Tổng công suất trung bình của hệ thống cấp nước xã Gia Viễn đến năm 2025 khoảng 660m³/ngày, đêm.

- Dự báo công suất nguồn: Tổng công suất trung bình của hệ thống cấp xã Gia Viễn đến năm 2030 khoảng 706m³/ngày, đêm.

- Nguồn nước: Sử dụng nguồn nước sạch từ nhà máy nước Ghềnh Đá:

- Xây dựng mạng lưới đường ống chính khu vực có đường kính từ D114 bám dọc các trục đường ĐH.91, ĐH.95. Từ hệ thống đường ống chính D168- D90 đầu nối với hệ thống đường ống D42 – D60 dẫn tới các trục đường nội bộ cung cấp nước sạch cho các hộ.

- Đường ống nối với các hộ tiêu thụ có đường kính $D \leq 42\text{mm}$.

Mạng lưới đường ống được thiết kế mạng vòng kết hợp với mạng nhánh sao cho hiệu quả kinh tế kỹ thuật nhất.

6.7. Quy hoạch nghĩa trang và chất thải rắn

- Cải tạo chỉnh trang nghĩa trang trên địa bàn xã với quy mô 4,40ha. Đề xuất công tác quản lý trong việc chôn cất, đảm bảo vệ sinh môi trường;

- CTR xây dựng, công nghiệp thông thường, nông nghiệp, y tế thông thường sẽ thu gom tập trung về các điểm tập kết của khu vực, sau đó sử dụng xe chuyên dùng đưa về bãi tập kết CTR của xã sau đó vận chuyển đến khu vực xử lý của huyện;

- Đối với chất thải nguy hại (phát sinh trong sinh hoạt, sản xuất công nghiệp, sản xuất nông nghiệp,...) sử dụng các biện pháp như: Tự đầu tư hệ thống xử lý, thuê hoặc hợp đồng đơn vị thu gom xử lý,... cần được phân loại từ nguồn (được thu gom và phân theo từng loại theo quy định hiện hành) sau đó tập trung và đưa về nhà máy xử lý chất thải rắn cấp vùng tại thôn 4, xã MadaGuôi, huyện Đạ Huoai (theo định hướng quy hoạch vùng tỉnh Lâm Đồng để xử lý cho 06 huyện phía Nam của tỉnh);

- CTR y tế thông thường: đối với CTR thông thường sẽ thu gom xử lý chung với CTR sinh hoạt. CTR nguy hại sẽ được dùng xe chuyên dụng hợp đồng chở đến các nơi có lò đốt CTR nguy hại của tỉnh để xử lý tại khu xử lý của tỉnh ở xã Đại Lào, TP Bảo Lộc.

7. Định hướng môi trường chiến lược

Đồ án quy hoạch đã thực hiện theo Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP, ngày 13/05/2019 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

8. Danh mục các công trình và các dự án ưu tiên đầu tư

8.1. Giai đoạn đến năm 2025

- Xây dựng, cải tạo chỉnh trang, đầu tư trang thiết bị các công trình công cộng xã Giai đoạn đến năm 2025;
- Xây dựng, cải tạo chỉnh trang, đầu tư trang thiết bị các công trình công cộng xã như: UBND xã, y tế, bưu điện, an ninh...;
- Cải tạo chỉnh trang, đầu tư trang thiết bị các công trình văn hóa như: Nhà văn hóa xã, nhà sinh hoạt các thôn;
- Nâng cấp hệ thống trường học, cải tạo những hạng mục đã xuống cấp, đầu tư trang thiết bị dạy học;
- Khu cây xanh, sân TDTT: Đầu tư công trình thể dục thể thao xã và xây dựng mới công viên cây xanh tại khu vực trung tâm xã;
- Đầu tư hoàn thiện khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp phía Bắc của huyện. Thương mại dịch vụ khu trung tâm;
- Đầu tư khu du lịch sinh thái tại hồ Đăk Lô quy mô 10 ha;
- Đầu tư xây dựng khu làng nghề truyền thống;
- Đầu tư nâng cấp ĐH.91, ĐH.95; xây dựng, và cải tạo các tuyến đường giao thông toàn xã và các hạ tầng thiết yếu khác, nhất là khu vực trung tâm xã và các trục giao liên thôn, thôn xóm, nội đồng, theo quy hoạch được duyệt. Cải tạo, nâng cấp đường nội đồng, đường sản xuất trên địa bàn xã;
- Tập trung đầu tư hoàn thiện hạ tầng xã hội và kỹ thuật thuộc khu dân cư trung tâm xã và cải tạo chỉnh trang các điểm dân cư nông thôn tập trung tại các thôn trên địa bàn xã;
- Mục tiêu phấn đấu đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ, các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành có liên quan đến tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao hiện hành và các quy định của tỉnh về việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

8.2. Giai đoạn đến năm 2030

Tiếp tục đầu tư các hạng mục giai đoạn 2025. Đến năm 2030 đầu tư xây dựng thêm các hạng mục công trình sau:

+ Đầu tư xây dựng mới các công trình TDTT, thương mại dịch vụ tại các thôn;

+ Tiếp tục đầu tư khu du lịch hồ Đăk Lô.

9. Các giải pháp huy động vốn và cơ chế lồng ghép các nguồn vốn

- Huy động chủ yếu các nguồn lực sẵn có trong nhân dân tùy theo khả năng đóng góp của người dân; phát huy tính sáng tạo và sự tham gia đóng góp của nhân dân nhưng phải đảm bảo thực hiện theo nguyên tắc công khai, dân chủ trong suốt quá trình thực hiện; thỏa thuận với các Ngân hàng thương mại về việc cho vay vốn đầu tư phát triển sản xuất, cải tạo và xây mới nhà ở;

- Xây dựng kế hoạch lồng ghép các chương trình, dự án đang và có khả năng triển khai thực hiện trên địa bàn xã khi được UBND huyện phê duyệt làm cơ sở để các triển khai thực hiện;

- Cơ chế lồng ghép các nguồn vốn: Đối với các dự án Chương trình hỗ trợ nhu cầu kinh phí sẽ tiến hành lồng ghép với nguồn vốn ngân sách địa phương, nguồn vốn các chương trình, dự án khác hoặc huy động vốn dân và vốn tín dụng. Việc lồng ghép các nguồn vốn phải thực hiện đầy đủ các thủ tục theo qui định của các nguồn vốn.

10. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch

Tổ chức lập và thực hiện Quy định quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch được duyệt.

11. Thành phần hồ sơ quy hoạch

Thành phần bản vẽ được quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/03/2017 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn:

TT	TÊN SẢN PHẨM	TỶ LỆ	Số lượng (bộ)	
			Màu	Trắng đen
1	Sơ đồ vị trí xã và mối liên hệ vùng	Thích hợp	02 bộ	05 bộ
2	Bản đồ hiện trạng tổng hợp, đánh giá đất xây dựng, hạ tầng kỹ thuật.	1/10.000	02 bộ	05 bộ
3	Sơ đồ định hướng phát triển không gian toàn xã	1/10.000	02 bộ	05 bộ
4	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất	1/10.000	02 bộ	05 bộ
5	Bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường, hạ tầng phục vụ sản xuất.	1/10.000	02 bộ	05 bộ
6	Thuyết minh tổng hợp quy hoạch chung (kèm bản đồ A ₃)	A ₄	02 bộ	05 bộ
7	Dự thảo quy định quản lý quy hoạch, Quyết định phê duyệt	A ₄	03 bộ	

8	Đĩa CD lưu nội dung thuyết minh, bản vẽ quy hoạch		03 Đĩa
---	---	--	--------

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Căn cứ quy hoạch được duyệt với những nội dung chính nêu trên, UBND xã, cơ quan quản lý nhà nước liên quan hướng dẫn, cung cấp thông tin về quy hoạch cho các chủ đầu tư xây dựng được biết, thực hiện. Đồng thời, làm căn cứ thực hiện quản lý đất đai và xây dựng; xây dựng các chính sách kêu gọi đầu tư phù hợp với điều kiện đặc thù của địa phương;

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng được phê duyệt; UBND xã Gia Viễn tổ chức công bố, công khai rộng rãi để tổ chức, cá nhân biết, kiểm tra và thực hiện;

- Trong quá trình tổ chức thực hiện, xét thấy cần có những điều chỉnh cục bộ so với quy hoạch được duyệt, UBND xã Gia Viễn tổng hợp ý kiến các ngành, cá nhân, tổ chức, chủ trì xem xét và báo cáo UBND huyện quyết định.

- Quyết định này ban hành kèm theo thuyết minh tổng hợp Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Gia Viễn đến năm 2030.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Thủ trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND xã Gia Viễn; các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./. *Uue*

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Như điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các Phó CVP HĐND và UBND huyện;
- UBND xã Gia Viễn;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu: VT, KTHT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Signature]
Nguyễn Hoàng Phúc